

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG THƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH KẾ TOÁN

Tên chương trình (tiếng Việt): **KẾ TOÁN**

Tên chương trình (tiếng Anh): **Accounting**

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Mã ngành: 8340301

Loại hình đào tạo: Chính quy

Khoa quản lý: Tài Chính Kế Toán

TP. HỒ CHÍ MINH, NĂM 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số: 1236/QĐ-DCT ngày 23 tháng 04 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh)*

Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): KẾ TOÁN

Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh): Accounting

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Kế toán

Mã ngành đào tạo: 8340301

Lĩnh vực: Kinh doanh quản lý

Loại hình đào tạo: Chính quy

Thông tin về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo này được xây dựng theo định hướng đăng ký đánh giá ngoài cấp chương trình đào tạo theo *tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (MOET)*, từ năm 2019 .

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu)

Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

a. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thiết kế các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, đánh giá các thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

b. Kỹ năng

Có khả năng tư duy phản biện, có tính sáng tạo, có nhận thức, để nghiên cứu và định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, đánh giá, nghiên cứu, để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng đưa ra những sáng kiến quan trọng; Thích nghi, và hướng dẫn người khác. Khả năng đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học và nghiên cứu để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

1.2. Mục tiêu đào tạo (Đối với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng)

Mục tiêu tổng quát

Đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán theo hướng ứng dụng trong lĩnh vực kế toán. Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng định hướng dịch vụ, có kỹ năng và kiến thức để thực hiện các công việc chuyên môn cao trong lĩnh vực Kế toán, kiểm toán nhằm đạt được chất lượng và hiệu quả cao trong điều kiện phát triển kinh tế bền vững của đất nước và hội nhập quốc tế.

Mục tiêu cụ thể

Người học tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

a. Kiến thức

Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về chuyên ngành kế toán, kiểm toán để thực hiện các công việc tổ chức và quản trị công tác kế toán, kiểm toán, Phân tích, tổng hợp các thông tin trên báo cáo tài chính nhằm dự báo được tình hình tài chính cho các đối tượng có liên quan.

b. Kỹ năng

Có khả năng định hướng ngành nghề thuộc lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Đồng thời có kỹ năng làm việc nhóm, phân tích, tổng hợp để giải quyết và cung cấp các thông tin trên báo cáo tài chính trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Khả năng Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. Mặt khác, có khả năng quản lý và cải tiến các hoạt động chuyên môn về kế toán, kiểm toán trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

c. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

Có đạo đức, thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp, khả năng làm việc nhóm, khả năng tự học để phát triển nghề nghiệp bản thân. Tự chịu trách nhiệm trong công việc kế toán – kiểm toán ở những môi trường khác nhau.

2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm:

2.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MDNL
a	Kiến thức	
PLO1	Nghiên cứu, phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp	C5

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
	liên quan đến ngành kế toán.	
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
PLO6.2	Sử dụng kỹ năng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới hoặc giải quyết câu hỏi nghiên cứu đặt ra.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

2.2. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại HP	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	0311100409	11100012	Triết học	Chung	4	BB	C3			P3		P3		
2	0311101509	12100021	Phương pháp NC định tính	Chuyên ngành	2	BB	C4			P4	A4			
3	0311102327	12100001	PPNCKH trong TCKT	Chuyên sâu	2	BB	C4		P4	P4	A4			
4	0311102323	12200101	Lý thuyết kế toán	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4	A4			
5	0311102324	12200102	Kế toán TC nâng cao	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4				P4
6	0311102395	12100027	PTDL trong TCKT	Chuyên ngành	2	TC		C5	P4		A4		R4	
7	0311101446	12100005	Tiền tệ ngân hàng	Chuyên ngành	2	TC		C5		P4	A4			
8	0311102325	12200107	KT quản trị nâng cao	Chuyên sâu	2	BB		C5			A4			P4
9	0311101510	12100022	Phương P NC định lượng	Chuyên ngành	2	BB	C4			P4	A4			
10	0311101505	11100009	Luật kinh doanh	Chuyên ngành	2	BB	C3			P3				P3
11	0311101454	12100012	Tài chính quốc tế	Chuyên sâu	2	TC		C5		P4	A4			
12	0311101447	12100007	QT tài chính hiện đại	Chuyên sâu	2	TC		C5		P4	A4			
13	0311101443	12100006	Dự báo trong KD và KT	Chuyên ngành	2	TC		C5	P4				R4	P4
14	0311101444	12200113	Hệ thống thông tin QL	Chuyên ngành	2	TC			P4		A4			P4
15	0311103009	12100018	Kiểm soát nội bộ nâng cao	Chuyên sâu	3	BB		C5	P4		A4			
16	0311102329	12200109	BCTC nâng cao	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4			P3		
17	0311110449	12100009	Phân tích chính sách thuế	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	
18	0311102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	Chuyên sâu	2	BB		C5	P4					P4
19	0311100450	12100010	SP phái sinh và QTRRTC	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4		A4			
20	0311100456	12100016	Quản trị dự án	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	
21	0311102330	12207110	Chuyên đề nghiên cứu 1	Chuyên đề	3	BB		C5	P4	P4		P3	R4	

22	0311102331	12207111	Chuyên đề nghiên cứu 2	Chuyên đề	3	BB		C5	P4			P3	R4	
23	0311102332	12207112	Chuyên đề nghiên cứu 3	Chuyên đề	3	BB		C5	P4	P4		P3	R4	
24	0311102333	12204104	Thực tập	Thực tập	3	BB			P4			P3		P4
25	0311102334	12209105	Luận văn	Luận văn	15	BB		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
Tổng số học phần đáp ứng chuẩn đầu ra: 25														

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MDNL
a	Kiến thức	
PLO1	Phân tích và biện luận về khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C4
PLO1.1	Phân tích và biện luận khoa học xã hội, khoa học chính trị để quản lý, điều hành.	C3
PLO1.2	Sử dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để phát triển tri thức mới.	C4
PLO2	Tổng hợp và đánh giá chuyên sâu các vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kế toán.	C5
PLO2.1	Tổng hợp và đánh giá các kiến thức chuyên sâu về tài chính, kế toán.	C5
PLO2.2	Tổng hợp và đánh giá các chiến lược, chính sách một cách có hệ thống về kế hoạch, quản lý điều hành, giám sát liên quan lĩnh vực tài chính, kế toán.	C5
b	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân	
PLO3	Tổng hợp, phân tích, giải thích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán.	P4
PLO3.1	Tổng hợp, phân tích thông tin kinh tế tài chính liên quan lĩnh vực kế toán để phục vụ cho việc nghiên cứu.	P4
PLO3.2	Kết hợp được các kỹ năng đơn giản để thực hiện kỹ năng phức tạp để lập báo cáo tài chính, báo cáo nội bộ, báo cáo phân tích nhằm cung cấp thông tin cho việc ra quyết định.	P4
PLO4	Tự tìm kiếm, nghiên cứu, tổng hợp được tài liệu, thông tin, bằng chứng khoa học để khám phá vấn đề mới.	P4

Ký hiệu	Mô tả chuẩn đầu ra	MĐNL
PLO5	Phân tích chuyên sâu các quan điểm khoa học để có thể phản biện, giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.	A4
c	Kỹ năng tương tác	
PLO6	Truyền đạt và trao đổi kết quả công việc liên quan đến nghề nghiệp kế toán bằng tiếng Việt hay tiếng Anh.	P3
PLO6.1	Thể hiện đúng về chuyên đề, báo cáo thực tập, luận văn đã thực hiện.	P3
PLO6.2	Sử dụng kỹ năng ngoại ngữ để có thể giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.	P3
d	Năng lực thực hành nghề nghiệp (Năng lực tự chủ)	
PLO7	Nhận diện được bối cảnh kinh tế xã hội để tạo ra những hiểu biết mới.	R4
PLO8	Xây dựng được quy trình kiểm soát, hoạch định kế hoạch tài chính, đánh giá tình hình tài chính để quyết định hoặc tham mưu ra quyết định của đơn vị.	P4

2.4. Bảng ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Khối kiến thức	Số TC	Loại học phần	Chuẩn đầu ra (PLO)							
							PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1	0312100409	11100012	Triết học	Chung	4	BB	C3			P3			R3	
2	0312102327	12100001	PPNCKH trong TCKT	Chuyên sâu	2	BB	C4		P4	P4	A4			
3	0312102323	12200101	Lý thuyết kế toán	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4	A4			
4	0312102324	12200102	Kế toán TC nâng cao	Chuyên ngành	2	BB		C5		P4	A4			P4
5	0312102325	12200107	KTQ trị nâng cao	Chuyên ngành	2	TC		C5			A4			P4
6	0312101505	11100009	Luật kinh doanh	Chuyên ngành	2	TC	C4			P4				P4
7	0312100454	12100012	Tài chính quốc tế	Chuyên sâu	2	TC		C5		P4	A4			
8	0312102329	12200109	BCTC nâng cao	Chuyên sâu	2	BB		C5	P4			P3		
9	0312102395	12100027	PTDL trong TCKT	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4		A4		R4	
10	0312100447	12100007	Quản trị TC hiện đại	Chuyên ngành	2	TC		C5		P4	A4			
11	0312100448	12100008	BCTC- PT, DB ĐG	Chuyên ngành	2	TC		C5			A4			P4
12	0312100452	12100011	Mô hình tài chính	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4			P4
13	0312102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4		A4	P3	R4	
14	0312100454	12100014	QTNH hiện đại	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	
15	0312101558	13102022	QT chuỗi cung ứng toàn cầu	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	
16	0312100449	12100009	Phân tích CS thuế	Chuyên sâu	2	BB		C5			A4		R4	
17	0312100450	12100010	SPPS và QTRRTC	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4		A4			
18	0312100455	13100017	QT DM đầu tư	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	
19	0312102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	Chuyên sâu	2	BB		C5	P4		A4			
20	0312100444	12200113	Hệ TTT quản lý	Chuyên sâu	2	TC				P4	A4			P4
21	0312100456	12100016	Quản trị dự án	Chuyên sâu	2	TC		C5			A4		R4	

22	0312102398	12200103	Kế toán chi phí NC	Chuyên sâu	2	TC		C5		P4				P4
23	0312100506	12100020	Kế toán quốc tế	Chuyên sâu	2	BB		C5	P4			P3		
24	0312103082	13100037	Marketing kỹ thuật số	Chuyên sâu	2	TC		C5	P4					P4
25	0312101772	13100003	Khoa học lãnh đạo	Chuyên sâu	2	TC	C3			P4			R4	
26	0312103010	12204107	Thực tập	Thực tập	8	BB			P4			P3		P4
27	0312103011	12207106	Đề án	Đề án	8	BB		C5	P4	P4	A4	P3	R4	P4
Tổng số học phần đáp ứng chuẩn đầu ra: 27														

3. Khối lượng học tập

3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành	29 tín chỉ	48%
3	Các chuyên đề nghiên cứu, thực tập	12 tín chỉ	20%
4	Luận văn	15 tín chỉ	25%
Tổng số tín chỉ tích lũy		60 tín chỉ	100%

3.2. Cấu trúc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Kiến thức	Khối lượng kiến thức	Tỷ lệ %
1	Triết học	4 tín chỉ	7%
2	Học phần chuyên ngành, đồ án học phần, chuyên đề	40 tín chỉ	67%
3	Thực tập	8 tín chỉ	13%
4	Đề án	8 tín chỉ	13%
Tổng		60 tín chỉ	100%

4. Thời gian đào tạo

Thời gian thiết kế: 1,5 năm.

Thời gian hoàn thành chương trình đào tạo tối đa bao gồm thời gian thiết kế và thời gian được phép kéo dài được quy định trong Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Văn bằng tốt nghiệp

Cấp bằng Thạc sĩ khi người học hoàn thành chương trình đào tạo, tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định và đáp ứng đủ các điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo sau đại học của Trường.

6. Chuẩn đầu vào

Người học có bằng tốt nghiệp đại học hoặc tương đương và đáp ứng các tiêu chuẩn xét tuyển hoặc thi tuyển đầu vào của Trường.

Người tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp được dự thi/xét tuyển ngay sau khi tốt nghiệp. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với chuyên ngành dự thi/xét tuyển phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi/xét tuyển theo danh mục học phần bổ sung kiến thức.

Ngành phù hợp	Ngành gần	Môn học bổ sung
- Kế toán - Kiểm toán - Kế toán – Kiểm toán	- Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Công nghệ tài chính - Quản trị kinh doanh - Kinh doanh thương mại	1. Kế toán tài chính (2 TC) 2. Kế toán quản trị (2 TC) 3. Kiểm toán (2 TC) 4. Hệ thống thông tin kế toán (2 TC)

7. Phương pháp đánh giá kết quả học tập

Theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh) và Quy định thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập (Ban hành kèm theo Quyết định số 2402/QĐ-DCT ngày 22/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Quy chế đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

Xét và công nhận tốt nghiệp: theo Quy chế đào tạo sau đại học (Ban hành kèm theo Quyết định số 1279/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn ngoại ngữ: theo Quy định Chuẩn đầu ra ngoại ngữ (Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-DCT ngày 26/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

Chuẩn công nghệ thông tin: theo Quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (Ban hành kèm theo Quyết định số 3297/QĐ-DCT ngày 07/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh).

9. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán, học viên có thể đảm đương được các công việc:

- Trưởng phòng Kế toán, giám đốc tài chính ở các doanh nghiệp.
- Cán bộ quản lý ở các doanh nghiệp, cơ quan thuế và các tổ chức tài chính.

- Nghiên cứu viên và giảng viên các trường cao đẳng và đại học.

10. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể tiếp tục học nghiên cứu sinh nâng cao trình độ để trở thành tiến sĩ các ngành Kế toán, Tài chính ngân hàng, Quản trị kinh doanh.

11. Nội dung chương trình đào tạo

11.1. Nội dung chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				23	
1.	0311100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.	0311101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2 (2,0)	
3.	0311101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2 (2,0)	
4.	0311102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	
5.	0311102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
6.	0311102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
7.	0311102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
8.	0311102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
9.	0311103009	12100018	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3 (3,0)	
10.	0311101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 5 học phần)				10	
1.	0311102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài tài chính kế toán	2 (2,0)	
2.	0311102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2 (2,0)	
3.	0311100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	
4.	0311100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2 (2,0)	
5.	0311100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2 (2,0)	
6.	0311100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	
7.	0311100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
8.	0311100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2 (2,0)	
9.	0311101454	12100012	Tài chính quốc tế	2 (2,0)	
10.	0311100456	12100016	Quản trị dự án	2 (2,0)	
III. Chuyên đề nghiên cứu, thực tập				12	
1.	0311102330	12207110	Chuyên đề nghiên cứu 1	3 (0,3)	
2.	0311102331	12207111	Chuyên đề nghiên cứu 2	3 (0,3)	
3.	0311102332	12207112	Chuyên đề nghiên cứu 3	3 (0,3)	
4.	0311102333	12204104	Thực tập	3 (0,3)	
IV. Luận văn				15	
1.	0311102334	12209105	Luận văn	15 (0,15)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

11.2. Nội dung chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
I. Học phần bắt buộc				18	
1.	0312100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.	0312102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	
3.	0312102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
4.	0312102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
5.	0312102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2 (2,0)	
6.	0312102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
7.	0312100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	
8.	0312101506	12100020	Kế toán quốc tế	2 (2,0)	
II. Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 13 học phần)				26	
1.	0312102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
2.	0312102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
3.	0311100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	

TT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Điều kiện (học trước (a); tiên quyết (b); song hành (c))
4.	0312101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
5.	0312100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2 (2,0)	
6.	0312100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2 (2,0)	
7.	0312102398	12200103	Kế toán chi phí nâng cao	2 (2,0)	
8.	0312100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	
9.	0312100452	12100011	Mô hình tài chính	2 (2,0)	
10.	0312101454	12100012	Tài chính quốc tế	2 (2,0)	
11.	0312102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	2 (2,0)	
12.	0312100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2 (2,0)	
13.	0312100455	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2 (2,0)	
14.	0312100456	12100016	Quản trị dự án	2 (2,0)	
15.	0312103082	13100037	Marketing kỹ thuật số	2 (2,0)	
16.	0312101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2 (2,0)	
17.	0312101772	13100003	Khoa học lãnh đạo	2 (2,0)	
III. Thực tập				8	
1.	0312103010	12204107	Thực tập	8 (0,8)	
IV. Đề án				8	
1.	0312103011	12207106	Đề án	8 (0,8)	
Tổng số tín chỉ toàn khóa				60	

12. Kế hoạch đào tạo

12.1. Kế hoạch đào tạo theo định hướng nghiên cứu

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 18 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				14	
1.	0311100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.	0311101509	12100021	Phương pháp nghiên cứu định tính	2 (2,0)	
3.	0311102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
4.	0311102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
5.	0311102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
6.	0311101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 2 học phần)				4	
1.	0311102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
2.	0311102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2 (2,0)	
3.	0311100446	12100005	Tiền tệ Ngân hàng	2 (2,0)	
4.	0311100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	
5.	0311100456	12100016	Quản trị dự án	2 (2,0)	
Học kỳ 2: 21 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				15	
1.	0311101510	12100022	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2 (2,0)	
2.	0311102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
3.	0311102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
4.	0311103009	12100018	Kiểm soát nội bộ nâng cao	3 (3,0)	
5.	0311102330	12207110	Chuyên đề nghiên cứu 1	3 (0,3)	
6.	0311102331	12207111	Chuyên đề nghiên cứu 2	3 (0,3)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 3 học phần)				6	
1.	0311100454	12100012	Tài chính quốc tế	2 (2,0)	
2.	0311100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2 (2,0)	
3.	0311100443	12100006	Dự báo trong kinh doanh và kinh tế	2 (2,0)	
4.	0311100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	
5.	0311100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	
Học kỳ 3: 21 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				21	
1.	0311102332	12207112	Chuyên đề nghiên cứu 3	3 (0,3)	
2.	0311102333	12204104	Thực tập	3 (0,3)	

STT	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3.	0311102334	12209105	Luận văn	15 (0,15)	

12.2. Kế hoạch đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng

ST T	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 22 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				12	
1.	0312100409	11100012	Triết học	4 (4,0)	
2.	0312102323	12200101	Lý thuyết kế toán	2 (2,0)	
3.	0312102324	12200102	Kế toán tài chính nâng cao	2 (2,0)	
4.	0312102329	12200109	Báo cáo tài chính nâng cao	2 (2,0)	
5.	0312102327	12100001	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 5 học phần)				10	
1.	0312102398	12200103	Kế toán chi phí nâng cao	2 (2,0)	
2.	0312100454	12100012	Tài chính quốc tế	2 (2,0)	
3.	0312100452	12100011	Mô hình tài chính	2 (2,0)	
4.	0312102395	12100027	Phân tích dữ liệu trong tài chính kế toán	2 (2,0)	
5.	0312100447	12100007	Quản trị tài chính hiện đại	2 (2,0)	
6.	0312100448	12100008	Báo cáo tài chính – phân tích, dự báo và định giá	2 (2,0)	
7.	0312102389	12100035	Nguyên lý ngân hàng	2 (2,0)	
Học kỳ 2: 22 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				6	
1.	0312102325	12200107	Kế toán quản trị nâng cao	2 (2,0)	
2.	0312100449	12100009	Phân tích chính sách thuế	2 (2,0)	
3.	0312101506	12100020	Kế toán quốc tế	2 (2,0)	
Học phần tự chọn (Chọn tối thiểu 8 học phần)				16	
1.	0312100454	12100014	Quản trị ngân hàng hiện đại	2 (2,0)	
2.	0312101558	13102022	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	2 (2,0)	

ST T	Mã học phần	Mã tự quản	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
3.	0312100455	13100017	Quản trị danh mục đầu tư	2 (2,0)	
4.	0312100450	12100010	Sản phẩm phái sinh và quản trị rủi ro tài chính	2 (2,0)	
5.	0312100444	12200113	Hệ thống thông tin quản lý	2 (2,0)	
6.	0312100456	12100016	Quản trị dự án	2 (2,0)	
7.	0312101505	11100009	Luật kinh doanh	2 (2,0)	
8.	0312103082	13100037	Marketing kỹ thuật số	2 (2,0)	
9.	0312102326	12200108	Kiểm toán nâng cao	2 (2,0)	
10.	0312101772	13100003	Khoa học lãnh đạo	2 (2,0)	
Học kỳ 3: 16 tín chỉ tích lũy					
Học phần bắt buộc				16	
1.	0312103010	12204107	Thực tập	8 (0,8)	
2.	0312103011	12207106	Đề án	8 (0,8)	

13. Kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo

Các đơn vị có trách nhiệm xây dựng và thực hiện Kế hoạch kiểm soát và đảm bảo chất lượng đào tạo theo Chương trình đào tạo đã được phê duyệt và Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14. Hướng dẫn thực hiện

14.1. Đối với các Khoa đào tạo, Bộ môn

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình và tư vấn, hướng dẫn cho người học đăng ký các học phần.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp đề cương học phần cho giảng viên để triển khai kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.

- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết, học trước và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

- Kiểm tra, giám sát công tác giảng dạy của giảng viên theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành và đảm bảo các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

14.2. Đối với giảng viên

- Giảng viên cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương học phần để chuẩn bị bài giảng, phương pháp giảng dạy và các phương tiện dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập và cung cấp cho người học để người học chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và học theo triết lý giáo dục ‘*Học tập chủ động, làm việc sáng tạo*’, thực hiện đúng các phương pháp kiểm tra, đánh giá quy định trong đề cương học phần.

- Rút kinh nghiệm đối với hoạt động giảng dạy của bản thân và tích cực tham gia vào hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo Quy định về công tác giảng dạy hiện hành.

14.3. Đối với người học

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập/giáo viên chủ nhiệm để lựa chọn học phần cho phù hợp với định hướng và năng lực học tập.

- Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp hoặc tham gia thực hành theo quy định.

- Phát huy tính tự chủ, tinh thần tự học, tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các hoạt động thảo luận, seminar, thực hành.

- Tích cực khai thác các tài nguyên trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm luận văn/đề án.

- Thực hiện nghiêm túc Quy chế thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập.

15. Phê duyệt chương trình đào tạo

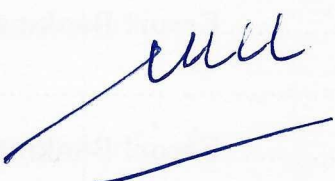
TP. HCM, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG KHOA


PGS.TS Trần Phước

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
TRƯỞNG NGÀNH SAU ĐẠI HỌC


PGS.TS Trần Phước

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG KH&ĐT


Nguyễn Xuân Hoàn

TP. HCM, ngày tháng năm 2024
HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hoàn